

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CNV+AMD	7:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
2		PPD+BK8+CTK3	7:25	14+0+8	0+0+0		11+1+10	0+0+0	
3		HST+AMD+TGT1	7:25	9+6+4	0+0+0		5+4+10	0+0+0	
4		CTK3+TTC3+P5	7:25	15+7+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
5		BK14+BK9+CTK3	7:25	7+6+9	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
6		VSP02+CNV+TD1	9:25	17+5+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0	
7		TD3+TD5+VSP02	9:25	3+4+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
8		BK6+PPD	11:25	9+13	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
5 NGƯỜI ĐI CNV VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CNV - AMD	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:10
HONG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO	CNV	98	1	4		100	DIEUHAN	Russian
2	POPOV	CNV	01	1	4		69	KH-THAC	Russian
3	IUSUPOV	CNV	89	1	3		71	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN TIEN VU	CNV	700	1	3	80	80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN ANH HUNG	CNV	99	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	AVDEEV	CNV	94	1	3		118	NIPI	Russian
7	CECIL VAUGHAN	AMD	53-54	2	15		83	BAB	S.African
8	PHAM VAN AN	AMD	62	1	8		67	HLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN VO BA LINH	AMD	66-67	2	15	12	71	HLJOC	Vietnamese
10	TRINH THUONG MAI	AMD	02,71	2	14	40	60	TLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUY	AMD	64	1	15		58	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH BINH (PVDT)	AMD	65	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN LE HOA	AMD	52	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN TAN TRI	AMD	61	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HIEU THAO	AMD	63	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
16	YA LOC	AMD	55	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN NGOC PHUC	AMD	69-70	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM ANH ĐỨC	AMD	68	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THUY	AMD	03-04	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	59-60	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ĐỨC NHÀ	AMD	57-58	2	12		52	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI SY QUYEN	AMD	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	6	22	517	80	1		
2	AMD	16	23	163	1.084	52	21		
TOTAL		22	29	185	1.601	132	22		
WEIGHT KG				185	1.601	132			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:33
FLIGHT: 02	TO: PPD - BK8 - CTK3	CREW: Hồi - MTHAO - Vũ	ETA: 09:13
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN MINH	PPD	78	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LY XUÂN TRUNG	PPD	87	1	8		65	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	PPD	77	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SỸ KHOA	PPD	81	1	10	30	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DANH TUÂN	PPD	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	PPD	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	PPD	83-84	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	75,79-80	3	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN THĂNG	PPD	85	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KỶ TUÂN	CTK3	23	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM THAI	CTK3	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI TIEN DUNG	CTK3	22	1	5	15	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	26	1	5	53	50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3	20	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	14	71	968	30	11		
2	BK8	0	0	0	0	30	1		
3	CTK3	8	7	33	539	68	10		
TOTAL		22	21	104	1.507	128	22		
WEIGHT KG				104	1.507	128			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:32
FLIGHT: 03	TO: HST - AMD - TGTH1	CREW: Thanh - NKhánh	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	HST	96,31,32	3	18		73	TLJOC	Vietnamese
2	LE THANH LINH	HST	97-98	2	13		78	TLJOC	Vietnamese
3	NINH VAN CHAU	HST	33,96	2	15		52	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN BA QUAN	HST	51-52	2	12		48	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN PHANG	HST	75	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TRUNG HIEU	HST	48	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU ĐĂNG	HST	49-50	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
8	SYED SALIM BIN SYED TAHIR	HST	33-34	2	19		70	KH-THAC	Malaysian
9	AZMAN BIN MOHD FADZIL	HST	35,43	2	16		71	KH-THAC	Malaysian
10	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	31-33	3	15	18	68	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	30	1	12	40	78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ TRI HUNG	AMD	29	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH KHOI	AMD	27-28	2	23	7	62	HLJOC	Vietnamese
14	LE MẠNH THANG	AMD	23-24	2	8		56	HLJOC	Vietnamese
15	TRINH HOANG THANH	AMD	25-26	2	13		55	HLJOC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	02	1	12	13	68	HLJOC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÀ	TGTH1	03-04	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	TGTH1	05-06	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	01	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

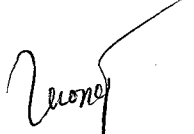
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	9	17	122	620	0	5		
2	AMD	6	11	81	379	65	4		
3	TGTH1	4	6	44	285	13	10		
TOTAL		19	34	247	1.284	78	19		
WEIGHT KG				247	1.284	78			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - TTC3 - P5	CREW: Hạnh - XHOÀN - Huy	ETA: 09:15
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	37	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	CTK3	34	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO VĂN TRI	CTK3	33	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	46	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	45	1	8	42	82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	42	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	43-44	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	38-39	2	9		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3	41	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	35-36	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG QUANG DƯƠNG	TTC3	04	1	4		72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VŨ QUY	TTC3	03	1	7	16	70	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI HỒNG DƯƠNG	TTC3	01	1	8		60	NIPI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN VŨ	TTC3	07	1	5	95	75	NIPI	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY ANH	TTC3	05	1	10		73	NIPI	Vietnamese
21	HUYNH TÂN THỊNH	TTC3	06	1	6		77	NIPI	Vietnamese
22	HA VĂN NIÊM	TTC3	02	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

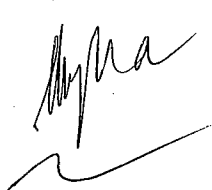
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	15	87	1.031	42	12		
2	TTC3	7	7	43	495	111	0		
3	P5	0	0	0	0	5	10		
TOTAL		22	22	130	1.526	158	22		
WEIGHT KG				130	1.526	158			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 05	TO: BK14 - BK9 - CTK3	CREW: Vận - XTrưởng - Năm	ETA: 09:20
NAU-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	АКОПОВ Д. А	BK14	87	1	10	17	80	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK14	85	1	6	45	62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUÂN	BK14	84	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
4	LUƠNG TUÂN ANH	BK14	83	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÚ THẮNG	BK14	81	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
6	VÕ NGỌC CHÍNH	BK14	82	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC NINH	BK14	86	1	8		76	PSV	Vietnamese
8	LƯU VĂN SƠN	BK9				35	78	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ THẾ HẬU	BK9					71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU TRUNG	BK9	72	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO ĐỨC THẮNG	BK9	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH HAI	BK9	73	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI ĐỨC KHANH	BK9	74	1	10		58	PSV	Vietnamese
14	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	65	1	4		47	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN THAO	CTK3	56,59	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	57	1	11		70	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH VƯƠNG	CTK3	63-64	2	10		100	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN TIỀN LŨ	CTK3	54	1	10		65	NIPi	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH VIỆT	CTK3	55	1	2	25	64	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGHỊ	CTK3	62	1	3	12	70	PSV	Vietnamese
21	LƯU VĂN KHƯƠNG	CTK3	60-61	2	8		74	DK9	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC ANH	CTK3	66	1	9		80	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	7	7	56	516	62	7		
2	BK9	6	4	27	420	35	5		
3	CTK3	9	12	74	638	37	10		
TOTAL		22	23	157	1.574	134	22		
WEIGHT KG				157	1.574	134			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: VSP02 - CNV - TD1	CREW: Hôi - MTHAO - Vũ	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	40-41	2	18		82	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	33	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	BODAN KARPENKO	VSP02	43	1	8		88	KH-THAC	Russian
4	SERGIENKO SE	VSP02	44	1	5		72	KH-THAC	Russian
5	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	30	1	7	40	88	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC ĐÔNG	VSP02	47	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	27	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	39	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	29	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	34	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	42	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THAM	VSP02	35	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ SĨ KHÔI	VSP02	31	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO ĐỨC TRÍ	VSP02	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN GIA KHANH	VSP02	37-38	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	36	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	05	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VIỆT HUNG	CNV	700	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC TRÍ	CNV					70	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG HAI	CNV	87	1	11	22	80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	95	1	8		100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	19	119	1.280	40	9		
2	CNV	5	4	33	397	22	10		
3	TD1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	152	1.677	62	22		
WEIGHT KG				152	1.677	62			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

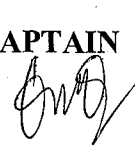
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	TO: TD3 - TD5 - VSP02	CREW: Hạnh - KHOẢN - Huy	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO QUOC TUAN	TD3	95	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG TUYEN	TD3	92-94	3	17		62	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN KY	TD5	10	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CUONG	TD5	12	1	12	20	82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MANH CUONG	TD5	13	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG THE MINH	TD5	11	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	06	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN GIA LONG	VSP02	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN HIEP	VSP02	02	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH DAN	VSP02					71	KH-THAC	Vietnamese
11	DO DUY HOAN	VSP02	11	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN PHU	VSP02	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	01	1	5	15	62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	08	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HUU DAT	VSP02	09	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY THONG	VSP02					71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN TRUONG	VSP02	12	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THE VINH	VSP02	07	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN THE CUONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	VSP02	04	1	6		45	YTE	Vietnamese
21	NGUYEN HONG DUC	VSP02	05	1	4		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	4	32	142	0	0		
2	TD5	4	4	42	312	20	0		
3	VSP02	15	12	58	1.014	15	22		
TOTAL		21	20	132	1.468	35	22		
WEIGHT KG				132	1.468	35			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	TO: BK6 - PPD	CREW: Hòì - MTHAO - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỀ	BK6	9	1	11	30	75	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN DUNG	BK6	1-2	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ QUY BƯỞNG	BK6	03-04	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN LAM	BK6	10-11	2	22		76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO VAN QUAN	BK6	12	1	13		50	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN LOC	BK6	7	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN BA SON	BK6	5-6	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN HOAN	BK6	13-14	2	12		76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DUY HAO	BK6	8	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TRỌNG KHÔI	PPD	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUANG HUY	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO XUAN HA	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC CU	PPD	17	1	4	20	60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO SACH ĐỨC	PPD	19	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TINH	PPD	21-22	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
16	BUI KHAC HUY	PPD	27	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
17	HOANG ĐỨC HAI	PPD	29	1	12		64	CODIEN	Vietnamese
18	LUU QUANG ĐẠT	PPD	20	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
19	PHAM XUAN HAI	PPD	23-24	2	14		70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TRỌNG TUÂN	PPD	28	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ĐOÀN	PPD	25	1	9	20	94	CODIEN	Vietnamese
22	DUONG TRUONG LAM	PPD	16	1	5		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	9	14	137	577	30	0		
2	PPD	13	13	99	901	40	22		
TOTAL		22	27	236	1.478	70	22		
WEIGHT KG				236	1.478	70			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	21	0		22	0	
2		P3+P6+P4	7:25	0+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 P3- P6
3		RP3	9:25	11	0		22	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PPD	CREW: Hôi - TRƯỜNG - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	51	1	3		72	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV G.P	PPD	43	1	14		115	KHI	Russian
3	NGUYEN VAN NAM	PPD	38	1	5		78	KHI	Vietnamese
4	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	PPD	52	1	3		67	KHI	Vietnamese
5	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	48	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THĂNG	PPD	31	1	6		76	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	56	1	2		83	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	35	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	44-46	3	7		73	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	37	1	8		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	47	1	10	45	75	KHI	Vietnamese
12	NGO XUAN HUONG	PPD	36	1	3		74	KHI	Vietnamese
13	ĐO VĂN TUẤN	PPD	34	1	3		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	33	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	LÊ TRUNG LAN	PPD	49	1	4		82	KHI	Vietnamese
16	LÊ THANH TRUNG	PPD	50	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	41	1	5		77	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HIẾU	PPD	42	1	10		65	PSV	Vietnamese
19	LÊ NGUYỄN CÔNG	PPD	39-40	2	10		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC KHANH	PPD	32	1	5		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	23	118	1.492	45	22		
	TOTAL	20	23	118	1.492	45	22		
	WEIGHT KG			118	1.492	45			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: P3 - P6 - P4	CREW: Hạnh - MTHAO - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YAKIMENKO V.A.	P4	96	1	7		111	KHI	Russian
2	ZAGYDAEV V.E	P4	95	1	5		77	KHI	Russian
3	NGUYEN QUANG HA	P4	87	1	2		72	KHI	Vietnamese
4	PHAM QUOC DUY	P4	94	1	3		62	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	P4	34	1	4	100	61	KHI	Vietnamese
6	TRAN VAN PHUC	P4	98-99	2	17	18	69	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THINH	P4	40	1	3		70	KHI	Vietnamese
8	DUONG DINH HIEN	P4	92	1	2		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN LE HUY	P4	89-90	2	11		66	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG NAM	P4	93	1	3		63	KHI	Vietnamese
11	HOANG TRONG TAN	P4	97	1	3		70	KHI	Vietnamese
12	DOAN THANH CONG	P4	86	1	3		73	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	P4	88	1	12		67	YTE	Vietnamese
14	PHAM DUY CHUNG	P4	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DAC NHA	P4	85	1	3		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	0	0	0	0	0	0+1		CHUYEN 1 PAX TU P3 SANG P6
2	P6	0	0	0	0	0	0		
3	P4	15	17	83	1.055	118	22		
TOTAL		15	17	83	1.055	118	22		
WEIGHT KG				83	1.055	118			

GRAND TOAL: 1.256 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: RP3	TO: RP3	CREW: Hồi - TRƯỜNG - Toàn	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	REVIKIN V.N	RP3	63	1	10		98	KHI	Russian
2	LE NHU NGUYEN	RP3	64-65	2	10		67	KHI	Vietnamese
3	HA VAN THUY	RP3	60	1	5		71	KHI	Vietnamese
4	PHAM VAN KY	RP3	56	1	3		67	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CU	RP3	62	1	3		60	KHI	Vietnamese
6	VO DON LONG	RP3	61	1	8		65	KHI	Vietnamese
7	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	59	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	RP3					77	KHI	Vietnamese
9	NGO NGOC HAN	RP3	66	1	6		61	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET KY	RP3	57	1	3		67	KHI	Vietnamese
11	TRAN VAN MINH	RP3	58	1	10		85	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	11	63	798	0	22		
TOTAL		11	11	63	798	0	22		
WEIGHT KG				63	798	0			

GRAND TOAL: 861 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN